

TOA DKK

mylana

Dòng P40
Máy đo chất lượng nước cầm tay

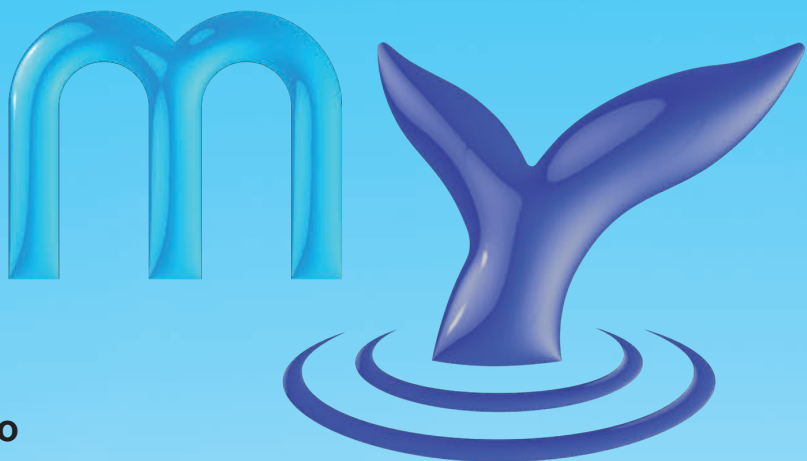
MỚI



MM-42DP / MM-41DP	pH	ORP	Độ dẫn điện	Oxy hòa tan quang học
HM-40P	pH	ORP	Ion	

DKK-TOA CORPORATION

Đầu dò kỹ thuật số



Tự động nhận diện thông tin đầu dò
Nhiều lựa chọn kết hợp các loại đầu dò khác nhau dành cho loại 2 kênh đo

pH

ORP

Độ dẫn điện

Oxy hòa tan quang học

Truyền dữ liệu số
(Giao tiếp truyền thông RS-485)



Đầu dò pH

Đầu dò độ dẫn điện

Máy đo pH

Máy đo độ dẫn điện



Đầu dò pH

Đầu dò độ dẫn điện

Máy đo pH/Độ dẫn điện

Điện cực dành cho đầu dò đo pH và ORP có thể dễ dàng thay thế



Lana

Cầm tay

Thiết kế mỏng



Không thấm nước



Đèn nền



Bộ nhớ Chức năng bộ nhớ dữ liệu

1500 Bộ nhớ dữ liệu có sẵn

Thời gian đo

Giá trị đo

Nhiệt độ

Mở rộng Khả năng mở rộng hệ thống (Đối với MM-42DP/41DP)



Có thể kết nối với máy in bên ngoài (EPS-P30)

Kết nối với PC thông qua USB



Mylana là thương hiệu máy đo chất lượng nước cầm tay đa năng dòng P40 của DKK-TOA. Trong tiếng Hawaii, "Lana" có nghĩa là "mặt nước nổi, yên tĩnh". Chúng tôi mong muốn sản phẩm máy đo chất lượng nước Mylana sẽ trở thành đối tác đáng tin cậy của bạn.

Dòng đa năng (Có thể kết nối đầu dò kỹ thuật số)

pH

ORP

Độ dẫn điện

Điện trở suất

Muối
(NaCl, PSS)

TDS
(Tổng chất rắn hòa tan)

Oxy hòa tan quang học

Máy đo chất lượng nước cầm tay đa năng MM-42DP

Loại 2
kênh đo



Bộ đầu dò độ dẫn điện/pH



Bộ đầu dò pH/oxy hòa tan



Với một đầu dò đo độ dẫn điện và một đầu dò đo oxy hòa tan
Sử dụng kết hợp cho phép tự động bù độ mặn

MM-41DP

Loại 1
kênh đo



Bộ đầu dò pH



Bộ đầu dò ORP



Bộ đầu dò độ dẫn điện



Bộ đầu dò oxy hòa tan

USB (Có thể kết nối PC)

Máy in bên ngoài

Đèn nền

Bộ nhớ dữ liệu (1500 dữ liệu)

Không thấm nước

Nguồn điện USB (tùy chọn)

Tên thiết bị	Đầu dò kết hợp	Mã đặt hàng	Giá
MM-42DP(2ch)	Chỉ có thiết bị chính	MM42DP - 1 - 00B0	¥59.000
Bộ đầu dò độ dẫn điện/pH	MM-42DP (thiết bị chính) + MM4-PH (1m) + MM4-EC (1m)	MM42DP - 1 - 1AB0	Giá 1 bộ ¥130.000
Bộ đầu dò pH/oxy hòa tan [※]	MM-42DP (thiết bị chính) + MM4-PH (1m) + MM4-DDO (3m)	MM42DP - 1 - 2AB0 MM4DDO - 0 - E	Giá 1 bộ ¥215.000
MM-41DP (1ch)	Chỉ có thiết bị chính	MM41DP - 1 - 00B0	¥53.000
Bộ đầu dò pH	MM-41DP (thiết bị chính) + MM4-PH (1m)	MM41DP - 1 - 1AB0	Giá 1 bộ ¥90.000
	MM-41DP (thiết bị chính) + MM4-PH (3m)	MM41DP - 1 - 1EB0	Giá 1 bộ ¥93.000
	MM-41DP (thiết bị chính) + MM4-PH (5m)	MM41DP - 1 - 1IB0	Giá 1 bộ ¥95.000
	MM-41DP (thiết bị chính) + MM4-PH (11m)	MM41DP - 1 - 1QB0	Giá 1 bộ ¥100.000
Bộ đầu dò ORP	MM-41DP (thiết bị chính) + MM4-ORP (1m)	MM41DP - 1 - 2AB0	¥92.000
	MM-41DP (thiết bị chính) + MM4-ORP (5m)	MM41DP - 1 - 2IB0	¥97.000
	MM-41DP (thiết bị chính) + MM4-ORP (11m)	MM41DP - 1 - 2QB0	¥102.000
Bộ đầu dò độ dẫn điện	MM-41DP (thiết bị chính) + MM4-EC (1m)	MM41DP - 1 - 3AB0	Giá 1 bộ ¥98.000
	MM-41DP (thiết bị chính) + MM4-EC (5m)	MM41DP - 1 - 3IB0	Giá 1 bộ ¥103.000
	MM-41DP (thiết bị chính) + MM4-EC (11m)	MM41DP - 1 - 3QB0	Giá 1 bộ ¥108.000
Bộ đầu dò oxy hòa tan [※]	MM-41DP (thiết bị chính) + MM4-DDO (3m)	MM41DP - 1 - 0AB0 MM4DDO - 0 - E	Giá 1 bộ ¥170.000

※ Khi bạn mua bộ đầu dò oxy hòa tan, vui lòng sắp xếp thiết bị chính và điện cực tương ứng.

Giá 1 bộ Giảm giá cho bộ thân máy và đầu dò

Loại đa năng

pH

ORP

Ion

Máy đo pH, Ion, ORP cầm tay HM-40P



Bộ điện cực pH



Bộ điện cực ORP

Đèn nền

Bộ nhớ dữ liệu (1500 dữ liệu)

Không thấm nước

Tuổi thọ pin (Khoảng 2000 giờ)

Tên thiết bị	Điện cực kết hợp	Mã đặt hàng	Giá
HM-40P	Chỉ có thiết bị chính	HM40P - 1 - 00B0	¥50.000
Bộ điện cực pH	HM-40P (thiết bị chính) + GST-2739C (1m)	HM40P - 1 - 1CB0	¥70.000
	HM-40P (thiết bị chính) + GST-2739C (3m)	HM40P - 1 - 1EB0	¥73.000
	HM-40P (thiết bị chính) + GST-2739C (5m)	HM40P - 1 - 1IB0	¥75.000
	HM-40P (thiết bị chính) + GST-2739C (11m)	HM40P - 1 - 1QB0	¥80.000
Bộ điện cực ORP	HM-40P (thiết bị chính) + PST-2739C (1m)	HM40P - 1 - 2AB0	¥70.000
	HM-40P (thiết bị chính) + PST-2739C (5m)	HM40P - 1 - 2IB0	¥75.000
	HM-40P (thiết bị chính) + PST-2739C (11m)	HM40P - 1 - 2QB0	¥80.000

Dòng P30 Có sẵn máy đo độ dẫn điện dùng cho nước tinh khiết và máy đo oxy hòa tan kiểu màng

Máy đo độ dẫn điện cầm tay CM-31P-W



Độ dẫn điện

Điện trở suất

Bao gồm điện cực độ dẫn điện dùng cho nước tinh khiết (CT-27111D) và điện cực đo lưu lượng (CEF-22A (PP))

Máy đo oxy hòa tan cầm tay DO-31P



Oxy hòa tan kiểu màng

Bao gồm điện cực DO loại nhúng chìm (OE-270AA)

Máy đo oxy hòa tan/pH cầm tay DM-32P



ch1

Oxy hòa tan kiểu màng

ch2

pH

ORP

Bao gồm điện cực oxy hòa tan loại nhúng chìm (OE-270AA) điện cực tổng hợp pH (GST-2729C)

Đầu dò, điện cực



◆pH / ORP

Đối với MM-42DP/MM-41DP

Đầu dò	Độ dài dây dẫn điện	Mã đặt hàng	Giá	Chú thích
Đầu dò pH MM4-PH 	1m (tiêu chuẩn)	MM4PH - 1 - A0	¥38.000	Điện cực pH kết hợp thay thế ELP-072 (¥18.000)
	3m	MM4PH - 1 - E0	¥41.000	
	5m	MM4PH - 0 - I0	¥43.000	
	11m	MM4PH - 1 - Q0	¥48.000	
Đầu dò ORP MM4-ORP 	1m (tiêu chuẩn)	MM4ORP - 1 - A	¥39.000	Điện cực ORP kết hợp thay thế ELM-027 (¥19.000)
	5m	MM4ORP - 1 - I	¥44.000	
	11m	MM4ORP - 1 - Q	¥49.000	



Đối với HM-40P

Điện cực	Độ dài dây dẫn điện	Mã đặt hàng	Giá	Chú thích
Điện cực pH kết hợp GST-2739C 	1m (tiêu chuẩn)	GST2739C - 1 - CN0	¥20.000	
	3m	GST2739C - 1 - EN0	¥23.000	
	5m	GST2739C - 1 - IN0	¥25.000	
	11m	GST2739C - 1 - QN0	¥30.000	
Điện cực pH kết hợp GST-5841S	1m	GST5841S - 0 - AN0	¥40.000	Dành cho dung môi hữu cơ
Điện cực pH kết hợp ELP-040	1m	ELP040 - 0 - AN	¥50.000	Dành cho bể axit flohidric** Đầu điện cực thủy tinh có thể thay thế Đầu điện cực thủy tinh 5082L (¥17.000)
Điện cực pH kết hợp GST-5821C	1m	GST5821C - 0 - AN0	¥26.000	Thân bằng thủy tinh
Điện cực ORP kết hợp PST-2739C 	1m (tiêu chuẩn)	PST2739C - 1 - AN	¥20.000	
	5m	PST2739C - 1 - IN	¥25.000	
	11m	PST2739C - 1 - QN	¥30.000	

**Điện cực thủy tinh bị ảnh hưởng bởi dung dịch axit flohidric. Tuy nhiên, vì sản phẩm này là đầu điện cực thủy tinh thuộc loại có thể thay thế nên có thể giảm chi phí vận hành. Đối với dung dịch axit flohidric 1% (ở nhiệt độ 25°C, trong 1 phút), có thể thực hiện khoảng 1000 phép đo.


Tên sản phẩm	Mã đặt hàng	Giá
Thuốc thử dạng bột dùng cho 5 túi dung dịch chuẩn phthalate pH4,01 (mỗi túi 500 mL)	143F191	¥1.300
Thuốc thử dạng bột dùng cho 5 túi dung dịch chuẩn phthalate pH6,86 (mỗi túi 500 mL)	143F192	¥1.300
Thuốc thử dạng bột dùng cho 5 túi dung dịch chuẩn phthalate pH9,18 (mỗi túi 500 mL)	143F193	¥1.300
Dung dịch bên trong điện cực tham chiếu RE-4 50 mL (3 chai)	0BG00011	¥3.000
Dung dịch kiểm tra ORP (dung dịch chuẩn pH4,01 500 mL + bột quinhydrone)	143F196	¥2.000
Chất mài mòn cho điện cực ORP 10 mL	AO-001	¥2.000

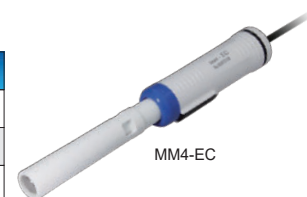


Dung dịch bên trong điện cực tham chiếu

◆Độ dẫn điện

Đối với MM-42DP/MM-41DP

Đầu dò	Độ dài dây dẫn điện	Mã đặt hàng	Giá
Đầu dò độ dẫn điện MM4-EC 	1m (tiêu chuẩn)	MM4EC - 1 - A	¥46.000
	5m	MM4EC - 1 - I	¥51.000
	11m	MM4EC - 1 - Q	¥56.000



MM4-EC

Tên sản phẩm	Mã đặt hàng	Giá
Dung dịch kiểm tra điện cực độ dẫn điện 0,1mol/kg 250 mL (2 chai) 1282 mS/m ở 25°C	143A143	¥6.000



Dung dịch kiểm tra điện cực độ dẫn điện

◆ Oxy hòa tan

Đối với MM-42DP/MM-41DP

Đầu dò	Độ dài dây dẫn điện	Mã đặt hàng	Giá
Bộ đầu dò oxy hòa tan MM4-DDO	1m	MM4DDO - 0 - A	¥120.000
	3m (tiêu chuẩn)	MM4DDO - 0 - E	¥120.000
	5m	MM4DDO - 0 - I	¥130.000
	11m	MM4DDO - 0 - Q	¥140.000



Loại nhúng/thả chìm



Đối với bình thí nghiệm/nuôi cấy



Tên sản phẩm	Mã đặt hàng	Giá	Chú thích
Natri sulfit 50g	143A030	¥1.000	Được dùng để chuẩn bị dung dịch không
Nắp cảm biến thay thế	7595230K	¥20.000	
Bộ phụ tùng máy khuấy	7609650K	¥5.000	Phụ tùng A (Tổng chiều dài 25mm: 100 mL cho bình nuôi cấy tương thích) Phụ tùng B (Tổng chiều dài 50mm: 200 mL cho bình nuôi cấy tương thích), Khuấy
Máy khuấy	ST-7	¥40.000	Đề khuấy mẫu



Nắp cảm biến thay thế



Vui lòng sử dụng bình nuôi cấy được làm vật theo tiêu chuẩn TS19/22 (dung tích 100mL hoặc 200mL)

Ion cho HM-40P

Điện cực	Giá	Đầu thay thế ion	Phạm vi đo (Phạm vi pH tối ưu)	Sự giao thoa của ion cùng tồn tại ^{※1} / Chú thích
Điện cực kết hợp ion florua F-2021	¥120.000	F-200 (Màng rắn) ¥50.000	0,019~19.000mg/L (pH5~6)	F ⁻ OH ⁻ =10 ¹ HPO ₄ ²⁻ , HCO ₃ ⁻ =10 ³ (pH 7~8) Cl ⁻ , Br ⁻ , I ⁻ , NO ₃ ⁻ , SO ₄ ²⁻ , S ₂ O ₃ ²⁻ =10 ⁵
Điện cực kết hợp ion clorua CL-2021	¥90.000	CL-200B (Màng rắn) ¥25.000	1~35.000mg/L (pH5~6)	Cl ⁻ S ²⁻ =Không cùng tồn tại CN ⁻ , I ⁻ =10 ⁻⁵ Br ⁻ , S ₂ O ₃ ²⁻ =10 ⁻² NO ₃ ⁻ , SO ₄ ²⁻ , CO ₃ ²⁻ , PO ₄ ³⁻ , F ⁻ =10 ³
Điện cực kết hợp ion xyanua CN-2021	¥90.000	CN-200B (Màng rắn) ¥25.000	0,003~26mg/L (pH12~13)	CN ⁻ S ²⁻ =Không cùng tồn tại I ⁻ =10 ⁻¹ S ₂ O ₃ ²⁻ =10 ¹ Br ⁻ =10 ³ NO ₃ ⁻ , SO ₄ ²⁻ , PO ₄ ³⁻ =10 ⁴ CO ₃ ²⁻ , Cl ⁻ , F ⁻ =10 ⁵
Điện cực kết hợp ion natri NA-2011	¥90.000	NA-100B (Màng thủy tinh) ¥30.000	2,3~23.000mg/L (pH10~11)	Na ⁺ Mg ²⁺ , Ca ²⁺ , Zn ²⁺ , NH ₄ ⁺ , K ⁺ , Li ⁺ =10 ³
Điện cực kết hợp ion kali K-2031	¥90.000	K-300B (Màng lỏng) ¥25.000	0,39~3.900mg/L (pH5~6)	K ⁺ H ⁺ =10 ² NH ₄ ⁺ =3×10 ² Na ⁺ =2×10 ³ Li ⁺ =10 ⁴
Điện cực kết hợp ion canxi CA-2031	¥90.000	CA-300 (Màng lỏng) ¥30.000	0,4~40.000mg/L (pH5~6)	Ca ²⁺ Pb ²⁺ , Zn ²⁺ =10 ¹ Mn ²⁺ =10 ² Cu ²⁺ , Mg ²⁺ , Cd ²⁺ , Ba ²⁺ , Fe ²⁺ =10 ³ Ni ²⁺ =10 ⁴
Điện cực kết hợp ion nitrat N-2031	¥90.000	N-300 (Màng lỏng) ¥25.000	0,62~62.000mg/L (pH5~6)	NO ₃ ⁻ I ⁻ =10 ⁻³ Br ⁻ , NO ₂ ⁻ =10 ⁰ Cl ⁻ =10 ¹ CH ₃ COO ⁻ , SO ₄ ²⁻ , CO ₃ ²⁻ , F ⁻ =10 ²
Điện cực amoniac AE-2041 (Điện cực màng)	¥110.000	-	0,09~1.800mg/L (pH12 trở lên)	NH ₄ ⁺ Các amin dễ bay hơi
Điện cực amoniac CE-2041 (Điện cực màng)	¥110.000	-	Khí hòa tan 1,49~1.490mg/L	Khí hòa tan: Axit yếu dễ bay hơi Khí quyển: Khí có tính axit Cần có điện cực hiệu chuẩn (CGC-202L) và bộ nguồn hiệu chuẩn (6791140K).
Điện cực kết hợp ion bromua BR-2021	¥90.000	BR-200 (Màng rắn) ¥25.000	0,8~80.000mg/L (pH5~6)	Br ⁻ S ²⁻ =Không cùng tồn tại CN ⁻ , I ⁻ =10 ⁻⁴ S ₂ O ₃ ²⁻ , SCN ⁻ =10 ⁰ Cl ⁻ =10 ² NO ₃ ⁻ , SO ₄ ²⁻ , CO ₃ ²⁻ , F ⁻ =10 ⁴
Điện cực kết hợp ion iốt I-2021	¥96.000	I-200 (Màng rắn) ¥25.000	0,01~127.000mg/L (pH5~6)	I ⁻ S ²⁻ , Vật liệu khử = Không cùng tồn tại CN ⁻ =10 ³ S ₂ O ₃ ²⁻ =10 ¹ SCN ⁻ =10 ³ Br ⁻ =10 ⁴ NO ₃ ⁻ , CO ₃ ²⁻ , PO ₄ ³⁻ , Cl ⁻ , F ⁻ =10 ⁵
Điện cực kết hợp ion cadmi CD-2021	¥100.000	CD-200 (Màng rắn) ¥28.000	0,01~1.120mg/L (pH5~6)	Cd ²⁺ Hg ²⁺ , Ag ⁺ , Cu ²⁺ =Không cùng tồn tại Pb ²⁺ , Fe ²⁺ =10 ⁰ Cr ³⁺ =10 ² Na ⁺ , K ⁺ , Mg ²⁺ , Ca ²⁺ , Zn ²⁺ , Al ³⁺ =10 ⁵
Điện cực kết hợp ion đồng CU-2021	¥90.000	CU-200 (Màng rắn) ¥28.000	0,06~630mg/L (pH5~6)	Cu ²⁺ Ag ⁺ , Hg ²⁺ =Không cùng tồn tại Fe ²⁺ =10 ⁻¹ Al ³⁺ =10 ¹ Cr ³⁺ =10 ² Ni ²⁺ =10 ³ Na ⁺ , Mg ²⁺ , Ca ²⁺ =10 ⁴
Điện cực kết hợp ion bạc AG-2021	¥90.000	AG-200 (Màng rắn) ¥28.000	0,1~108.000mg/L (pH5~6)	Ag ⁺ Hg ²⁺ =Không cùng tồn tại Mg ²⁺ =10 ³ Ca ²⁺ , Cu ²⁺ , Pb ²⁺ , Cd ²⁺ , Zn ²⁺ =10 ⁴ Na ⁺ , K ⁺ =10 ⁵
Điện cực kết hợp ion sunfua S-2021	¥90.000	S-200 (Màng rắn) ¥25.000	0,3~32.000mg/L (pH13 trở lên)	S ²⁻ -

※1. Sự giao thoa của ion cùng tồn tại (hệ số chọn lọc đối với nồng độ ion 0,1 mol/L)
 Nếu một ion cùng tồn tại trong dung dịch, nó có thể gây ra lỗi dữ liệu khi đo ion mục tiêu.
 "Hệ số chọn lọc 10x có nghĩa là nếu dung dịch chứa một ion cùng tồn tại lớn hơn gấp 10 lần giá trị của ion mục tiêu được đo, sẽ xảy ra lỗi trong đó giá trị của ion mục tiêu bằng giá trị của ion cùng tồn tại."
 "Nếu nồng độ của ion cùng tồn tại đủ lớn để ảnh hưởng đến giá trị đo được, chúng tôi khuyến nghị tiến hành tiền xử lý để ngăn chặn sự giao thoa."



Phần cảm biến ion là "Điện cực có thể thay thế đầu" (ngoại trừ điện cực màng)
 Độ dài dây dẫn điện là 1 m (tiêu chuẩn)

Mỗi một dung dịch thay thế cho điện cực ion (10 chiếc)	0LF00001	¥4.000	Đối với tất cả các điện cực kết hợp ion (ngoại trừ AE/CE-2041)
Dung dịch chuẩn F	500mL 143F391	¥3.500	Đối với F-2021 F:1000 mg/L
Dung dịch chuẩn Cl	500mL 143A281	¥3.500	Đối với CL-2021 Cl:1000 mg/L
Dung dịch chuẩn Na	500mL 143E031	¥3.500	Đối với NA-2011 Na:1000 mg/L
Dung dịch chuẩn K	500mL 143B482	¥4.000	Đối với K-2031 K:1000 mg/L
Dung dịch chuẩn Ca	500mL 143B481	¥4.000	Đối với CA-2031 Ca:1000 mg/L
Dung dịch chuẩn NO3	500mL 143C486	¥3.500	Đối với N-2031 NO ₃ :1000 mg/L
Dung dịch chuẩn NO3-N	500mL 143C487	¥3.500	Đối với N-2031 NO ₃ -N:1000 mg/L
Dung dịch chuẩn NH4	500mL 143A041	¥3.500	Đối với AE-2041 NH ₄ :1000 mg/L
Dung dịch chuẩn NH4-N	500mL 143A042	¥3.500	Đối với AE-2041 NH ₄ -N:1000 mg/L
Bột hiệu chuẩn điện cực cacbon dioxit CGS-111 cho 1 L (10 gói)	143D044	¥5.000	Đối với CE-2041
Dung dịch chuẩn Br BR-1000	500mL 143C483	¥4.000	Đối với BR-2021 Br:1000 mg/L
Dung dịch chuẩn IS I-1000	500mL 143H091	¥4.000	Đối với I-2021 I:1000 mg/L
Dung dịch chuẩn Cd CD-100	500mL 143B500	¥4.000	Đối với CD-2021 Cd:100 mg/L
Dung dịch chuẩn Cu CU-100	500mL 143D043	¥4.000	Đối với CU-2021 Cu:100 mg/L
Dung dịch chỉnh cường độ ion TISAB-01 500 mL cho F ^{※2}	143A279	¥6.000	Đối với F-2021 Đối với mẫu chung
Dung dịch chỉnh cường độ ion TISAB-11 500 mL cho F ^{※2}	143A280	¥6.000	Đối với F-2021 Đối với mẫu có chứa ion kim loại (sắt, nhôm, v.v.)
Dung dịch chỉnh cường độ ion ISA-CL 500 mL cho Cl, Br, I, Ag	143A334	¥6.000	Đối với AG/CL/BR/I-2021
Dung dịch chỉnh cường độ ion ISA-CN 500 mL cho CN	143A335	¥6.000	Đối với CN-2021
Dung dịch chỉnh cường độ ion ISA-NA 500 mL cho Na	143A338	¥6.000	Đối với NA-2011
Dung dịch chỉnh cường độ ion ISA-K 500 mL cho K	143A337	¥6.000	Đối với K-2031
Dung dịch chỉnh cường độ ion ISA-CA 500 mL cho Ca	143A333	¥6.000	Đối với CA-2031
Dung dịch chỉnh cường độ ion ISA-NO 500 mL cho NO ₃	143A340	¥6.000	Đối với N-2031
Dung dịch chỉnh cường độ ion ISA-NH 500 mL cho NH ₄	143A339	¥6.000	Đối với AE-2041
Dung dịch chỉnh cường độ ion ISA-CO 500 mL cho CO ₂	143D045	¥6.000	Đối với CE-2041
Dung dịch chỉnh cường độ ion ISA-CU 500 mL cho Cu, Cd	143A336	¥6.000	Đối với CU/CD-2021
Bột điều chỉnh cường độ ion ISA-S cho 100 mL (10 gói) cho S	143A332	¥6.000	Đối với S-2021
Dung dịch bên trong điện cực tham chiếu RE-1 100 mL	143F230	¥1.000	Đối với các dung dịch bên trong của tất cả các điện cực kết hợp ion (ngoại trừ AE/CE-2041) Dung dịch bên ngoài tham chiếu cho CA-2031, I/S-2021
Dung dịch bên ngoài điện cực tham chiếu RE-2 100 mL	143F238	¥2.500	Dung dịch bên ngoài tham chiếu cho NA-2011, CL/BR/CN/CD/CU/AG/F-2021
Dung dịch bên ngoài điện cực tham chiếu RE-3 100mL	143F239	¥2.500	Dung dịch bên ngoài tham chiếu cho K/N-2031
Dung dịch bên trong điện cực amoniac RE-NH4 50 mL (3 chai)	0BG00005	¥3.500	Đối với AE-2041
Dung dịch bên trong điện cực cacbon dioxit RE-11 500 mL	143D042	¥3.000	Đối với CE-2041
Màng thay thế điện cực amoniac (10 màng)	AE-FILM	¥15.000	Đối với AE-2041
Hộp màng đo điện cực cacbon dioxit (4 hộp)	CTC-211	¥18.000	Đối với CE-2041
Cell hiệu chuẩn điện cực cacbon dioxit	CGC-202L	¥7.000	Đối với CE-2041
Bộ nguồn hiệu chuẩn cho điện cực cacbon dioxit	67911490K	¥4.000	Đối với CE-2041

※2. 1143A279 (TISAB-01): Đối với mẫu chung 143A280 (TISAB-11): Đối với mẫu có chứa ion kim loại (sắt, nhôm, v.v.)

Lưu ý 1) Điện cực ion không có chức năng đo nhiệt độ. Phạm vi nhiệt độ dung dịch có thể đo được là 0-50°C.

Lưu ý 2) Phương pháp đo theo lỗ chủ yếu được sử dụng để tiến hành đo ion. Phương pháp này được tiến hành sau khi lấy mẫu, sử dụng cốc nhỏ và các thiết bị khác.

Ngoài điện cực, dung dịch chuẩn, dung dịch chỉnh cường độ ion, dung dịch bên ngoài điện cực tham chiếu và bộ giữ/bộ đo điện cực đều cần thiết để đo ion.

Lưu ý 3) Đảm bảo liên hệ với chúng tôi trước khi bạn tiến hành đo ion, vì khi có các mẫu cùng tồn tại, khó có thể tiến hành đo ion.

Lưu ý 4) Chúng tôi không bán dung dịch chuẩn ion xyanua, bạc và sunfua. Khách hàng nên chuẩn bị theo các bước được liệt kê trong sách hướng dẫn.

Lựa chọn

Tên sản phẩm	Mã đặt hàng	Giá	Chú thích
Phần mềm thu thập dữ liệu	GP-LOG	-	Sử dụng USB lưu dữ liệu đo dưới dạng văn bản vào máy tính cá nhân. (Cáp USB có bán trên thị trường (USB2, 0, Micro) được yêu cầu riêng.) Hệ điều hành tương thích: Windows 10/8/7 v2.1 1 trở lên, Các mẫu tương thích: MM-42DP, MM-41DP
Cáp đầu ra analog ASSY	7585320K	¥20.000	Độ dài cáp 1,8 m. Cực bên kết nối với thiết bị bên ngoài (Đầu cos chữ Y 3 mm). Các mẫu tương thích: MM-42DP, MM-41DP (Không thể sử dụng cáp đầu ra Analog cho dòng P30.)
Máy in bên ngoài	EPS-P30	¥60.000	In giấy thường Chiều rộng của bảng xấp xỉ 60 mm. Bao gồm cáp kết nối, giấy in (1 cuộn) và ruy băng mực (1 cuộn) Các mẫu tương thích: MM-42DP và MM-41DP
Giấy cho máy in bên ngoài	P000119	¥7.000	20 cuộn, giấy in thường
Ruy băng mực cho máy in ngoài	ORD00001	¥1.500	1 cái
Cáp nối cho máy in ngoài	118N061	¥10.000	Nếu bạn đã có máy in bên ngoài (EPS-G / EPS-R) thì máy in chỉ có thể dùng được với cáp này.
Bộ điều hợp AC-USB ASSY	7472510K	¥4.000	Chiều dài cáp là 2 m. Nguồn điện USB. Các mẫu tương thích: MM-42DP và MM-41DP
Giá đỡ điện cực	7430850K	¥5.000	
Bộ giữ điện cực	7430860K	¥7.000	Có bộ đỡ, nút chặn, thanh chống
Thiết bị gắn điện cực MM	7596030K	¥1.000	Đầu dò tương thích: MM4-PH, MM4-ORP, MM4-EC, MM4-DDO
Thiết bị gắn điện cực DP	01B00007	¥600	Điện cực tương thích: GST-2739C, ELP-040, PST-2739C, và các điện cực ion khác nhau (không bao gồm AE / CE-2041)
Thiết bị gắn điện cực G	01B00004	¥600	Đối với cảm biến màn hình
Máy khuấy	ST-7	¥40.000	Để khuấy mẫu
Nút ngoại vi (MM)*	7596010K	¥25.000	Hỗ trợ dây dẫn điện có chiều dài 5 m trở lên. Nút ngoại vi để nhúng đầu dò. Đầu dò tương thích: MM4-PH, MM4-ORP, MM4-EC, MM4-DDO
Nút ngoại vi (AN-21P)*	01C00001	¥25.000	Hỗ trợ dây dẫn điện có chiều dài 5 m trở lên. Nút ngoại vi để nhúng điện cực. Điện cực tương thích: GST-2739C, PST-2739C
Dây φ1SUS	01Z00002	¥6.000	Độ dài dây là 12 m. Dây phụ trợ khi sử dụng nút ngoại vi. Cả nút ngoại vi 7596010K và 01C00001 đều có thể được sử dụng.
Hộp đựng (có dây đai đeo vai)	0DA00001	¥15.000	Hộp mềm cầm tay này cho phép bạn cất giữ thân thiết bị chính khi kết nối với cảm biến.
Hộp mềm	SC-10P	¥6.000	Hộp mềm cầm tay này có thể lưu trữ thân thiết bị chính khi thiết bị kết nối với cảm biến.

*Trước khi sử dụng, hãy chuẩn bị trước dây như sản phẩm "01Z00002" của chúng tôi.



Bảng thông số kỹ thuật/Chức năng

◆ Máy đo chất lượng nước cầm tay đa năng MM-42DP (2 kênh đo)/ MM-41DP (1 kênh đo)

Phương pháp đo	pH	Phương pháp điện cực thủy tinh	
	ORP	Phương pháp điện cực bạch kim	
	Độ dẫn điện	Phương pháp 2 điện cực AC	
	DO	Quang học	
	Nhiệt độ	Điện trở nhiệt	
Thiết bị hiển thị		LCD tùy chỉnh với đèn nền	
Hạng mục/ Phạm vi đo	pH	pH0,000~pH14,000	
	mV(ORP)	-2000~2000mV	
	Độ dẫn điện	0,1mS/m~10S/m	
	Điện trở suất	0,1 Ω·m tới 10kΩ·m (chuyển đổi từ Độ dẫn điện)	
	Độ mặn (NaCl, PSSs: Độ mặn thực tế) TDS (tổng chất rắn hòa tan)	Chuyển đổi từ độ dẫn điện	
	Oxy hòa tan/Độ bão hòa	0,0 - 20,00mg/L hoặc 0,0 tới 200,0%	
	Nhiệt độ	0,0 - 100,0°C Khi sử dụng đầu dò oxy hòa tan: 0,0 tới 50,0°C	
Phạm vi hiển thị	pH	pH-2,000~pH16,000	
	mV(ORP)	-2200~2200mV	
	Độ dẫn điện (khoảng giá trị chuyển đổi thủ công/tự động)	0,000~2,000mS/m (0,00~20,00μS/cm) 0,00~20,00mS/m (0,0~200,0μS/cm) 0,0~200,0mS/m (0,000~2,000mS/cm) 0,000~2,000S/m (0,00~20,00mS/cm) 0,00~20,00S/m (0,0~200,0mS/cm) Có thể chuyển đổi giữa hệ đơn vị SI (S/m) và hệ đơn vị cũ (S/cm)	
	Điện trở suất (khoảng giá trị chuyển đổi thủ công/tự động)	0,005~2,000 Ω·m (0,5~200,0Ω·cm) 0,00~20,00 Ω·m (0,000~2,000kΩ·cm) 0,0~200,0 Ω·m (0,00~20,00kΩ·cm) 0,000~2,000kΩ·m (0,0~200,0kΩ·cm) 0,00~20,00kΩ·m (0,000~2,000MΩ·cm) 0,0~200,0kΩ·m (0,00~20,00MΩ·cm) 0,000~2,000MΩ·m (0,0~200,0MΩ·cm) Có thể chuyển đổi giữa hệ đơn vị SI (Ω·m) và hệ đơn vị cũ (Ω·cm)	
	Độ mặn	0,00~4,04%(NaCl) 0,00~42,40psu(PSS)	
	TDS (tổng chất rắn hòa tan) (khoảng giá trị chuyển đổi thủ công/tự động)	0~99,99 / 999,9 mg/L 0~9,999 / 99,99 / 999,9 g/L	
	Oxy hòa tan/Bão hòa	0,00 - 22,00mg/L hoặc 0,0 tới 220,0%	
	Nhiệt độ	-5,0 - 110,0°C Khi sử dụng đầu dò oxy hòa tan: -5,0 tới 55,0°C	
	Độ lặp lại (thân thiết bị)	pH	±0,006pH
		mV(ORP)	±2mV
Độ dẫn điện/Điện trở suất Độ mặn/TDS (tổng chất rắn hòa tan)		±0,5% FS	
Oxy hòa tan/Độ bão hòa		Khi kết hợp với 8 mg/L ± 0,1mg/L hoặc 100% ± 1% * MM4-DDO	
Nhiệt độ		Dao động ± 0,2°C	
Phạm vi bù nhiệt độ pH		ATC (Bù nhiệt tự động): 0 tới 100,0°C MTC (Bù nhiệt bằng tay): 0 tới 100,0°C	
Phạm vi độ dẫn điện bù nhiệt		ATC (Bù nhiệt tự động): 0 tới 100,0°C MTC (Bù nhiệt bằng tay): 0 tới 100,0°C TẮT (Không bù nhiệt)	
Cài đặt nhiệt độ tiêu chuẩn dẫn nhiệt		Cố định ở 25°C	
Hệ số dẫn nhiệt (Tuyến tính)		0~10,00%/°C	
Phạm vi bù nhiệt độ oxy hòa tan		ATC (Bù nhiệt tự động): 0 tới 50,0°C	
Hiệu chuẩn pH		Dung dịch chuẩn pH JIS, dung dịch chuẩn Hoa Kỳ lên tới 5 điểm hiệu chuẩn hoặc dung dịch chuẩn tùy chỉnh lên tới 2 điểm hiệu chuẩn	
Hiệu chuẩn nhiệt độ		Hiệu chuẩn một điểm	
Nhiệt độ, độ ẩm để đảm bảo hiệu suất		0 đến 45°C, 20 đến 90% (không ngưng tụ) * 0 đến 40°C khi sử dụng Máy in bên ngoài tùy chọn	
Kết cấu chống thấm		IP67 (1m, cho phép nhúng chìm trong vòng 30 phút) * Ngắt khi đầu dò không được kết nối	
Bộ nhớ dữ liệu		MM-42DP: 1500 dữ liệu mỗi kênh đo (thời gian đo, giá trị đo, Nhiệt độ) (Khi Bộ nhớ dữ liệu vận hành, dữ liệu đo được của kênh đo 1 và kênh đo 2 được ghi nhớ đồng thời.) MM-41DP: 1500 dữ liệu (thời gian đo, giá trị đo, Nhiệt độ)	
Chức năng tạo lịch sử hiệu chuẩn		Phía thiết bị chính: Kéo dài 1 lần Phía đầu dò: có 10 lô pH bao gồm cả lô mới nhất và 8 lô oxy hòa tan bao gồm cả lô mới nhất.	
Chức năng đo kết quả tự động trong khoảng thời gian nhất định *1		Khoảng cách cài đặt: Có thể đặt tùy ý 1 giây đến 99 phút 59 giây hoặc 5 phút đến 99 giờ 59 phút.	
Chức năng in ấn		Có thể kết nối với Máy in bên ngoài EPS-P30 (Giấy in thường)	
Chức năng giữ tự động		Giá trị dự định ổn định: Cố định	
Tự động tắt nguồn		Có thể cài đặt TẮT/10 phút/30 phút/60 phút/180 phút/32 phút/60 phút/720 phút	

USB (thiết bị ngoại vi, Micro)		1 thiết bị cổng tiêu chuẩn (độc lập)
Đầu ra analog (cách điện) ^{**2}	pH	pH0~14 → 500~1900mV
	mV(ORP)	-2000~2000mV → 200~2200mV
	Độ dẫn điện/Điện trở suất	Mỗi dải từ 0~FS (2000 chữ số) → 200~2200 mV
	Độ mặn (tương đương NaCl)	0,00~4,00% → 200~2200mV
	Độ mặn (tương đương PSS-78)	0,00~40,00psu → 200~2200mV
	TDS	Mỗi dải từ 0~FS (9999 chữ số) → 200~2200 mV
	DO	0,00~20,00mg/L → 200~2200mV
	Độ bão hòa	0~200% → 200~2200mV
Nhiệt độ	0~100°C → 200~2200mV	
Nguồn điện		2 Pin AA/pin hydro kim loại niken có thể sạc lại hoặc chạy bằng USB (không có chức năng sạc lại) ^{**2}
Tuổi thọ pin (ước tính) * Đèn nền tắt, tùy chọn không được kết nối		Khi đầu dò pH hoặc ORP được kết nối: Xấp xỉ 800 giờ Khi đầu dò độ dẫn điện được kết nối: Xấp xỉ 500 giờ Khi đầu dò oxy hòa tan quang học được kết nối: Xấp xỉ 60 giờ ^{**2}
Điện năng tiêu thụ		0, 2VA (với pin 3V), 0, 9VA (chạy bằng USB)
Kích thước (không bao gồm phần lõi)		Khoảng 70 (R) × 35 (C) × 185 (S) mm
Trọng lượng của thiết bị chính (bao gồm cả pin)		MM-42DP: Xấp xỉ 300g MM-41DP: Xấp xỉ 290g

◆ Máy đo pH, Ion, ORP cầm tay HM-40P

Định dạng JIS (pH)		JIS Mẫu I
Phương pháp đo	pH	Phương pháp điện cực thủy tinh
	ORP	Phương pháp điện cực bạch kim
	Ion	Phương pháp điện cực ion
	Nhiệt độ	Điện trở nhiệt
	Thiết bị hiển thị	LCD tùy chỉnh với đèn nền
Hạng mục/ Phạm vi đo	pH	pH0,00~pH14,00
	mV(ORP)	-2000~2000mV
	Ion	Phụ thuộc vào cảm biến được sử dụng
Phạm vi hiển thị	Nhiệt độ	0,0~100,0°C Ion: Phụ thuộc vào điện cực được sử dụng (Chức năng đo nhiệt độ không khả dụng)
	pH	pH-2,00~pH16,00
	mV(ORP)	-2200~2200mV
	Ion (Khoảng giá trị chuyển đổi tự động)	0,0~19,9 / 20~199 µg / L 0,20~1,99 / 2,0~19,9 / 20~199 mg / L 0,20~1,99 / 2,0~19,9 / 20~199 / 200~999 g / L
	Nhiệt độ	-5,0~110,0°C
Độ lặp lại (thân thiết bị)	pH	±0,02pH
	mV(ORP)	±2mV
	Ion	±0,5% FS
	Nhiệt độ	Dao động ±0,2°C
Phạm vi bù nhiệt độ pH		ATC (Bù nhiệt tự động): 0 tới 100,0° MTC (Bù nhiệt bằng tay): 0 tới 100,0°
Hiệu chuẩn pH		Dung dịch chuẩn pH JIS, dung dịch chuẩn Hoa Kỳ lên tới 5 điểm hiệu chuẩn hoặc dung dịch chuẩn tùy chỉnh lên tới 2 điểm hiệu chuẩn
Hiệu chuẩn nhiệt độ		Hiệu chuẩn một điểm
Hiệu chuẩn ion		Hiệu chuẩn lên tới 3 điểm
Nhiệt độ, độ ẩm để đảm bảo hiệu suất		0 đến 45°C, 20 đến 90% trở xuống (không ngưng tụ)
Bộ nhớ dữ liệu		1500 dữ liệu (thời gian đo, giá trị đo, nhiệt độ)
Kết cấu chống thấm		IP67 (1m, cho phép nhúng chìm trong vòng 30 phút) * Ngắt khi điện cực không được kết nối
Chức năng tạo lịch sử hiệu chuẩn		1 lô cuối cùng (Khi được sử dụng với điện cực pH/ion "Chức năng tự lưu trữ thông tin của điện cực", 2 lần hiệu chuẩn cuối cùng có thể được lưu lại, bao gồm cả những lần hiệu chuẩn trên điện cực)
Chức năng đo kết quả tự động trong khoảng thời gian nhất định ^{**1}		Khoảng cách cài đặt: Có thể đặt tùy ý 1 giây đến 99 phút 59 giây hoặc 2 phút đến 99 giờ 59 phút.
Chức năng giữ tự động		Giá trị dự tính ổn định: Cố định
Tự động tắt nguồn		Có thể cài đặt TẮT/10 phút/30 phút/60 phút/180 phút/32 phút/60 phút/720 phút
Nguồn điện		Hai pin AA/NiMH có thể sạc lại
Tuổi thọ pin (ước tính) * Đèn nền tắt, tùy chọn không được kết nối		Xấp xỉ 2.000 giờ
Điện năng tiêu thụ		0, 1VA (khi sử dụng pin 3V)
Kích thước (không bao gồm phần lõi)		Khoảng 70 (R) × 39 (C) × 188 (S) mm
Trọng lượng của thiết bị chính (bao gồm cả pin)		Xấp xỉ 300g

※1 Hiệu quả để giám sát đơn giản trong thời gian ngắn (khoảng nửa ngày), v.v.

※2 Việc sử dụng ASSY bộ điều hợp AC-USB (7472510K) được khuyến nghị cho các kết nối đầu ra analog tùy chọn và sử dụng đầu dò oxy hòa tan để đo liên tục vì tuổi thọ pin bị rút ngắn (chạy bằng USB).

MM-42DP

Bộ đầu dò độ dẫn điện/pH

Đầu dò pH MM4-PH
 Đầu dò độ dẫn điện MM4-EC
 Dung dịch chuẩn pH6,86 100 mL
 Dung dịch chuẩn pH4,01 100 mL
 Dung dịch bên trong điện cực tham chiếu 50 mL
 Cốc nhựa 50 mL (3 cái)
 Nắp bảo vệ đầu nối
 Pin khô kiềm AA (2 cục)
 Hướng dẫn vận hành

Bộ đầu dò pH/oxy hòa tan

Đầu dò pH MM4-PH
 Đầu dò độ dẫn điện MM4-EC
 Dung dịch chuẩn pH6,86 100 mL
 Dung dịch chuẩn pH4,01 100 mL
 Dung dịch bên trong điện cực tham chiếu 50 mL
 Cốc nhựa 50 mL (3 cái)
 Nắp bảo vệ đầu nối
 Pin khô kiềm AA (2 cục)
 Hướng dẫn vận hành
 Đặt hàng riêng đầu dò oxy hòa tan MM4-DDO.

MM-41DP

Bộ đầu dò pH

Đầu dò pH MM4-PH
 Dung dịch chuẩn pH6,86 100 mL
 Dung dịch chuẩn pH4,01 100 mL
 Dung dịch bên trong điện cực tham chiếu 50 mL
 Cốc nhựa 50 mL (3 cái)
 Pin khô kiềm AA (2 cục)
 Hướng dẫn vận hành

Bộ đầu dò ORP

Đầu dò ORP MM4-ORP
 Dung dịch bên trong điện cực tham chiếu 50 mL
 Cốc nhựa 50 mL (1 cái)
 Pin khô kiềm AA (2 cục)
 Hướng dẫn vận hành

Bộ đầu dò độ dẫn điện

Đầu dò độ dẫn điện MM4-EC
 Pin khô kiềm AA (2 cục)
 Hướng dẫn vận hành

HM-40P

Bộ điện cực pH

Đầu dò pH MM4-PH
 Dung dịch chuẩn pH6,86 100 mL
 Dung dịch chuẩn pH4,01 100 mL
 Dung dịch bên trong điện cực tham chiếu 50 mL
 Cốc nhựa 50 mL (3 cái)
 Pin khô kiềm AA (2 cục)
 Hướng dẫn vận hành

Bộ điện cực ORP

Đầu dò ORP MM4-ORP
 Dung dịch bên trong điện cực tham chiếu 50 mL
 Cốc nhựa 50 mL (1 cái)
 Pin khô kiềm AA (2 cục)
 Hướng dẫn vận hành

*Nếu bạn mua thiết bị chính, thì sẽ bao gồm cả cốc nhựa 50 mL (3 cái), pin AA và hướng dẫn vận hành đi kèm.

(Nắp bảo vệ đầu nối cũng đi kèm với MM-42DP.)

*Pin AA mặc định là để thử nghiệm.

*Khi bạn mua bộ đầu dò oxy hòa tan, vui lòng sắp xếp thiết bị chính và điện cực tương ứng.



DKK-TOA CORPORATION



CAUTION

Please read the operation manual carefully before using products.

Overseas Sales Division:

DKK-TOA Corporation

29-10, 1-Chome, Takadanobaba, Shinjuku-ku, Tokyo 169-8648 Japan

Tel : +81-3-3202-0225 Fax : +81-3-3202-5685

E-mail : intsales@dkktoa.com



https://www.toadkk.com/english/?stt_lang=vi

Information and specifications are for a typical system and are subject to change without notice.